TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 305/2026/DS-ST
Ngày: 30 - 6 - 2026
V/v: *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Duy Suốt;
2. Ông Trần Văn Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ: Ông Đặng Minh Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 739/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 630/2026/QĐST- DS ngày 12/6/2026, giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1).**

Địa chỉ: H L, phường Đ, Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng C, số C N, phường C, TP Cần Thơ.Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Phó Giám Đốc Trung tâm.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông **Nguyễn Thanh T1, Lê Bằng P, Nguyễn Văn C –** Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 599/2026/UQ-VPB ngày 04/3/2026).

Địa chỉ: Tầng C, số C N, phường C, Cần Thơ.

(Ông Lê Băng P1 có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông **Lê Quý Đ**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp T, phường Ô, TP ..

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Đối với Hợp đồng cho vay số: LN2202115189000 ngày 16/02/2022:

Ông Lê Quý Đ có vay vốn của Ngân hàng TMCP V (V1) theo Hợp đồng cho vay số: LN2202115189000 ngày 16/02/2022. Số tiền vay: **771.000.000 đồng**. Mục đích thanh toán tiền mua xe. Thời hạn vay 96 tháng (từ ngày 18/02/2022 đến ngày 18/02/2030).

Lãi suất giải ngân: 9% năm; cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân ("Thời gian cố định"). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên; sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và ngày 01/10 hằng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày lễ theo quy định của V1 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày lễ đó. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được Bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website:) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.6%/năm.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do ông Lê Quý Đ không thanh toán nợ lãi hàng tháng và trả nợ gốc vào cuối kỳ thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Lê Quý Đ đã thanh toán tạm tính đến ngày 30/06/2026 nợ gốc là: 322.629.962 đồng, nợ lãi: 251.297.294 đồng, tổng cộng: 573.926.042 đồng. Hình thức thanh toán là thu nợ từ tài khoản của ông Lê Quý Đ mở tại V1. Tổng nợ tạm tính đến ngày 30/06/2026 là: **559,220,701** đồng (trong đó gốc 448,370,038 đồng, nợ lãi: 110,850,663 đồng).

Đối với *Hợp đồng cho vay số: LD2321300270 giải ngân ngày 01/08/2023:*

Ông Lê Quý Đ có vay vốn của Ngân hàng TMCP V (V1) theo Hợp đồng cho vay số: LD2321300270 giải ngân ngày 01/08/2023. Số tiền vay: **100.000.000 đồng**. Mục đích vay: Tiêu dùng. Thời hạn vay 59 tháng (từ ngày 01/08/2023 đến ngày 05/07/2028).

Lãi suất giải ngân: 21% năm; cố định đến ngày 01/01/2023 tháng kể từ ngày giải ngân ("Thời gian cố định"). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn

sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên; sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và ngày 01/10 hằng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày lễ theo quy định của V1 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày lễ đó. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được Bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website:) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là ông Lê Quý Đ không thanh toán nợ lãi hàng tháng và trả nợ gốc vào cuối kỳ thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Lê Quý Đ đã thanh toán tạm tính đến ngày 30/06/2026 nợ gốc là: 28.551.729 đồng, nợ lãi: 36.481.165 đồng, tổng cộng: **65.032.894** đồng. Hình thức thanh toán là thu nợ từ tài khoản của ông Lê Quý Đ mở tại V1. Tổng nợ tạm tính đến ngày 30/06/2026 là: **95,921,691** đồng (trong đó gốc **71,448,271** đồng, nợ lãi: **24,473,420 đồng**).

Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 16/02/2022 cụ thể:

Ngày 16/02/2022, ông Lê Quý Đ đã ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1: 15.000.000 đồng, lãi suất áp dụng: 47.88% năm. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 30/06/2026 là **42,391,261** đồng (Trong đó nợ gốc: 25.623.964 đồng, nợ lãi: **16,767,297** đồng). Hình thức thanh toán là trả nợ gốc và lãi theo kỳ thanh toán với số tiền tương ứng đã sử dùng hàng tháng. Thời điểm vi phạm là từ 07/08/2025. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là ông Lê Quý Đ không thanh toán nợ lãi và nợ gốc hàng tháng.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông Lê Quý Đ và Ngân hàng TMCP V (V1) đã ký Hợp đồng thế chấp số: LN2202115189000 ngày 16/02/2022. Với tài sản bảo đảm cho khoản vay là:

- Một xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, N S, 2.0L, AT, biển số đăng ký: 65A-317.87, số khung: RN2GB47A6NM074439, số máy: PE50272754 thuộc quyền sở hữu của ông Lê Quý Đ.

Do ông Lê Quý Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng TMCP V, khởi kiện:

Buộc ông Lê Quý Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V ngay một lần số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/06/2026 là: **697,533,653 đồng** (trong đó gốc: 525.317.378 đồng, nợ lãi: **152,091,380** đồng).

Cụ thể:

Hợp đồng cho vay số: LN2202115189000 ngày 16/02/2022: Nợ gốc 448.370.038 đồng, nợ lãi 110.850.663 đồng. Tổng cộng: 559.220.701 đồng;

Hợp đồng cho vay số: LD2321300270 giải ngân ngày 01/08/2023: Nợ gốc 71.448.271 đồng, nợ lãi: 24.473.420 đồng. Tổng cộng: 95.921.691 đồng;

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 16/02/2022: Nợ gốc: 25.623.964 đồng, nợ lãi: 16.767.297 đồng. Tổng cộng: 42.391.261 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 01/07/2026 trở đi ông Lê Quý Đ còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

Trường hợp ông Lê Quý Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ vay.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc, lấy lời khai, tham gia phiên họp về kiểm tra viêc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Lê Quý Đ vẫn vắng mặt không lý do, vụ án không tiến hành hòa giải được. Nên, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn Lê Quý Đ.

Buộc ông Lê Quý Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ tính đến ngày 30/6/2026 là 30/6/2026 là 697.533.653 đồng (trong đó nợ gốc: 525.317.378 đồng, nợ lãi: 152.091.380 đồng).

Cụ thể:

Hợp đồng cho vay số: LN2202115189000 ngày 16/02/2022: Nợ gốc 448.370.038 đồng, nợ lãi 110.850.663 đồng. Tổng cộng: 559.220.701 đồng;

Hợp đồng cho vay số: LD2321300270 giải ngân ngày 01/08/2023: Nợ gốc 71.448.271 đồng, nợ lãi: 24.473.420 đồng. Tổng cộng: 95.921.691 đồng;

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/02/2022: Nợ gốc: 25.623.964 đồng, nợ lãi: 16.767.297 đồng. Tổng cộng: 42.391.261 đồng.

Kể từ ngày 01/7/2026, đến khi ông Lê Quý Đ trả hết nợ, thì ông Đ còn phải tiếp tục trả phần lãi suất phát sinh đã thỏa thuận theo các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Quý Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, N S, 2.0L, AT, biển số đăng ký: 65A-317.87, số khung: RN2GB47A6NM074439, số máy: PE50272754 do ông Lê Quý Đ đứng tên quyền sở hữu theo Hợp đồng thế chấp số LN2202115189000 ngày 16/02/2022 để thu hồi nợ.

Bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về quan hệ pháp luật các bên tranh chấp: Căn cứ vào nội dung và yêu cầu của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".* Do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn phường Ô, TP ., nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ theo khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Quý Đ. Tuy nhiên, ông Lê Quý Đ vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp bất kỳ tài

liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền lợi của mình. Bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tính pháp lý của các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp:

Xét các giao dịch dân sự được thiết lập giữa Ngân hàng TMCP V (V1) và ông Lê Quý Đ, bao gồm:

Hợp đồng cho vay số LN2202115189000 ngày 16/02/2022;

Hợp đồng cho vay số LD2321300270 giải ngân ngày 01/08/2023;

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số CN/VN0010107/202202/21 ký ngày 16/02/2022;

Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2202115189000 ngày 16/02/2022.

Các văn bản thỏa thuận trên được các bên xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, năng lực hành vi dân sự của các bên phù hợp với quy định. Nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng. Hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Do đó, các hợp đồng nêu trên có giá trị pháp lý bắt buộc thực hiện đối với các bên kể từ thời điểm ký kết. Thực tế, V1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân số tiền vay và cấp hạn mức thẻ tín dụng cho ông Lê Quý Đ.

[4] Về nội dung tranh chấp và nghĩa vụ thanh toán của bị đơn:

Quá trình thực hiện các hợp đồng vay và sử dụng thẻ tín dụng, ông Lê Quý Đ chỉ thanh toán được một phần nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng, cụ thể:

Đối với Hợp đồng số LN2202115189000: Đã trả nợ gốc 322.629.962 đồng, nợ lãi 251.297.294 đồng.

Đối với Hợp đồng số LD2321300270: Đã trả nợ gốc 28.551.729 đồng, nợ lãi 36.481.165 đồng.

Sau các mốc thanh toán nêu trên, ông Lê Quý Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán nợ lãi hàng tháng và trả nợ gốc theo kỳ hạn đã cam kết. Đối với nghĩa vụ thẻ tín dụng, ông Đ đã ngừng thanh toán và vi phạm nghĩa vụ liên tục kể từ ngày 07/08/2025. Việc ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của V1. Do đó, việc V1 khởi kiện đòi lại toàn bộ số dư nợ trước hạn là có căn cứ pháp lý, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự và thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Xét tính chính xác về số liệu nợ do nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 30/06/2026, đối chiếu bảng kê chi tiết dư nợ và các chứng từ kế toán do Ngân hàng cung cấp thấy rằng:

Khoản vay theo Hợp đồng số LN2202115189000: Dư nợ gốc là 448.370.038 đồng, nợ lãi là 110.850.663 đồng. Mức lãi suất giải ngân ban đầu 9%/năm và biên độ điều chỉnh cộng thêm 3.6%/năm sau thời gian cố định là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận.

Khoản vay theo Hợp đồng số LD2321300270: Dư nợ gốc là 71.448.271 đồng, nợ lãi là 24.473.420 đồng. Mức lãi suất giải ngân 21%/năm là phù hợp thỏa thuận.

Thẻ tín dụng số CN/VN0010107/202202/21: Dư nợ gốc là 25.623.964 đồng, nợ lãi là 16.767.297 đồng với mức lãi suất 47.88%/năm theo đúng cam kết khi mở thẻ.

Tổng số dư nợ của 03 khoản vay tạm tính đến ngày 30/06/2026 là 697.533.653 đồng (trong đó nợ gốc: 525.317.378 đồng, nợ lãi: 152.091.380 đồng).

Do bị đơn vắng mặt, không có ý kiến phản hồi hay chứng cứ chứng minh đã thanh toán xong các khoản nợ này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Quý Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ tính đến ngày 30/6/2026 là 697.533.653 đồng (trong đó nợ gốc: 525.317.378 đồng, nợ lãi: 152.091.380 đồng).

Đồng thời, yêu cầu của Ngân hàng V1 về việc buộc ông Lê Quý Đ tiếp tục chịu tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 01/07/2026 trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có cơ sở, phù hợp với Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Xét Hợp đồng thế chấp số LN2202115189000 ngày 16/02/2022, ông Lê Quý Đ đã tự nguyện thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, cụ thể là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, N S, 2.0L, AT, biển số đăng ký: 65A-317.87, số khung: RN2GB47A6NM074439, số máy: PE50272754.

Do ông Lê Quý Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đối với khoản vay được bảo đảm, căn cứ vào các quy định về xử lý tài sản bảo đảm tại các Điều 299, 303 và 323 của Bộ luật Dân sự, yêu cầu của Ngân hàng V1 là có căn cứ. Trường

hợp ông Lê Quý Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn Lê Quý Đ.

Buộc ông Lê Quý Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ tính đến ngày 30/6/2026 là 30/6/2026 là 697.533.653 đồng (trong đó nợ gốc: 525.317.378 đồng, nợ lãi: 152.091.380 đồng).

Cụ thể:

Hợp đồng cho vay số: LN2202115189000 ngày 16/02/2022: Nợ gốc 448.370.038 đồng, nợ lãi 110.850.663 đồng. Tổng cộng: 559.220.701 đồng;

Hợp đồng cho vay số: LD2321300270 giải ngân ngày 01/08/2023: Nợ gốc 71.448.271 đồng, nợ lãi: 24.473.420 đồng. Tổng cộng: 95.921.691 đồng;

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 16/02/2022: Nợ gốc: 25.623.964 đồng, nợ lãi: 16.767.297 đồng. Tổng cộng: 42.391.261 đồng.

Kể từ ngày 01/7/2026 đến khi ông Lê Quý Đ trả hết nợ, thì ông Đ còn phải tiếp tục trả phần lãi suất phát sinh đã thỏa thuận theo *Hợp đồng cho vay số: LN2202115189000 ngày 16/02/2022,* Hợp đồng cho vay số: LD2321300270 giải ngân ngày 01/08/2023, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 16/02/2022 mà các bên đã ký.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Quý Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, N S, 2.0L, AT, biển số đăng ký: 65A-317.87, số khung: RN2GB47A6NM074439, số máy: PE50272754 do ông Lê Quý Đ đứng tên quyền sở hữu theo Hợp đồng thế chấp số LN2202115189000 ngày 16/02/2022 để thu hồi nợ.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn Lê Quý Đ phải chịu 15.950.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Các Điều 317, 320, Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn Lê Quý Đ.

Buộc ông Lê Quý Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ tính đến ngày 30/6/2026 là 30/6/2026 là 697.533.653 đồng (trong đó nợ gốc: 525.317.378 đồng, nợ lãi: 152.091.380 đồng).

Cụ thể:

Hợp đồng cho vay số: LN2202115189000 ngày 16/02/2022: Nợ gốc 448.370.038 đồng, nợ lãi 110.850.663 đồng. Tổng cộng: 559.220.701 đồng;

Hợp đồng cho vay số: LD2321300270 giải ngân ngày 01/08/2023: Nợ gốc 71.448.271 đồng, nợ lãi: 24.473.420 đồng. Tổng cộng: 95.921.691 đồng;

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 16/02/2022: Nợ gốc: 25.623.964 đồng, nợ lãi: 16.767.297 đồng. Tổng cộng: 42.391.261 đồng.

Kể từ ngày 01/7/2026 đến khi ông Lê Quý Đ trả hết nợ, thì ông Đ còn phải tiếp tục trả phần lãi suất phát sinh đã thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay số: LN2202115189000 ngày 16/02/2022, Hợp đồng cho vay số: LD2321300270 giải ngân ngày 01/08/2023, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 16/02/2022.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Quý Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, N S, 2.0L, AT, biển số đăng ký: 65A-317.87, số khung: RN2GB47A6NM074439, số máy: PE50272754 do ông Lê Quý Đ đứng tên quyền sở hữu theo Hợp đồng thế chấp số LN2202115189000 ngày 16/02/2022 để thu hồi nợ.

Về án phí dân: Bị đơn Lê Quý Đ phải chịu 15.950.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V được nhận lại 13.453.366 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008537 ngày 04/11/2025 tại Phòng Thi hành án Khu vực 2 - Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP. Cần Thơ;*
- *VKSND Khu vực 2 - Cần Thơ;*
- *Phòng THA Khu vực 2 - Cần Thơ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Kiệt